TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-PT
Ngày 06 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Cao Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến, Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12/01/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982; ĐKHKTT: Số 25/5/278 đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Số 41/282 đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1979; ĐKHKTT: Số 25/5/278 đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo*: Anh Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H thì:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục Việt Nam. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 7 năm 2005. Quá trình chung sống, thời gian đầu giữa chị với anh Thòa thuận; đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng hơn. Hiện tại, hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế; không ai quan tâm đến ai. Chị xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự căng thẳng, trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Truyền.

- Về con chung: Chị và anh T có ba con chung là Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006, Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi hai con là Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014. Hiện tại cháu Phạm Tiến V còn nhỏ, vừa qua 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Chị khẳng định bản thân có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V được tốt nhất cho đến khi con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Giữa chị và anh Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo anh Phạm Văn T thì:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới cho anh chị theo phong tục Việt Nam. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 7 năm 2005. Quá trình chung sống anh chị Hthuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát. Đến năm 2017, tình trạng mâu thuẫn căng thẳng vì chị Hít dành thời gian quan tâm đến gia đình, hiện tại chị Hxin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị Hòa.

- Về con chung: Anh chị có ba con chung là Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006, Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014. Trường hợp ly hôn, anh nhận nuôi hai con là Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 vì anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con tốt nhất cho đến khi con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng đã áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về việc nuôi con: Giao con chung là Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T tự thỏa thuận giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2017, anh Phạm Văn T kháng cáo: Không nhất trí với quyết định của án sơ thẩm về việc giao con chung Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án giao con Phạm Tiến V cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, anh Phạm Văn T trình bày: Ngày 26/12/2017, anh đã kháng cáo, nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì: Cháu Dương bị thiểu năng trí tuệ ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của cháu, hiện cháu đang được Ủy ban nhân dân quận N cho hưởng trợ cấp xã hội với đối tượng là người bị khuyết tật nặng tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 03/9/2015. Vì

cháu không thể hòa nhập được với cộng đồng nên anh phải xin cho cháu học ở trường khiếm thính C, quận H, tuy nhiên khả năng tiếp thu nhận thức của cháu vẫn bị hạn chế, khi về nhà cháu không có bạn bè chơi cùng mà chỉ có ông bà nội và bố nên cháu thường lầm lì ít nói; anh mong muốn cháu D có em V cùng chơi đùa với cháu để cháu có thể cải thiện được khả năng nhận thức của cháu tốt cho quá trình trưởng thành của cháu sau này.

Anh có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu trưởng thành và không cần chị Hphải cấp dưỡng. Anh đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh giao cháu V cho anh nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị cũng xác nhận cháu D bị thiểu năng trí tuệ ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của cháu, hiện cháu đang được Ủy ban nhân dân quận Ncho hưởng trợ cấp xã hội với đối tượng là người bị khuyết tật nặng tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 và cháu đang học tại trường khiếm thính C, quận H vì khả năng tiếp thu nhận thức của cháu vẫn bị hạn chế, nên chị đã nhận nuôi cháu N và cháu V để bớt phần khó khăn cho anh T khi nuôi dưỡng cháu D, bên cạnh cháu không chỉ có bạn bè mà còn có ông bà nội và bố và thỉnh thoảng chị em của cháu cũng sang chơi và chị cũng luôn quan tâm đến cháu. Mặt khác, cháu N là con gái nên để mẹ chăm sóc sẽ thuận lợi hơn, cháu V còn quá nhỏ mới qua 36 tháng tuổi rất cần sự ổn định cho các cháu trong sinh hoạt học tập để cho các cháu trưởng thành bình thường.

Chị có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục hai cháu mà tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho chị và không cần anh T phải cấp dưỡng. Chị đề nghị tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa khi phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đến nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, khai mạc phiên tòa, xét hỏi… tại phiên tòa; các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và sự điều khiển của Hội đồng xét xử tại phiên tòa.

Sau khi xét xử sơ thẩm, do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên ngày 26/12/2017 anh T kháng cáo, nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; kháng cáo của anh T trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống vợ chồng và đều đồng ý ly

hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho anh T và chị H ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T và chị H có 03 con chung là Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006 và Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 và Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008. Cả anh T và chị H đều có công việc làm và thu nhập ổn định, đều có điều kiện để nuôi dạy các con. Khi giải quyết cho anh T và chị H ly hôn; cả anh T và chị H đều muốn nuôi cháu V; nhưng căn cứ vào điều kiện thực tế: Cháu V còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của chị H; cháu D bị khuyết tật nhưng từ bé cháu đã ở cùng với bố mẹ và ông bà nội, anh T thường xuyên phải đi làm xa ... nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung của anh chị là cháu Phạm Nguyệt N và cháu Phạm Tiến V cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi của các cháu.

Anh T kháng cáo đề nghị tòa án giao cháu V cho anh nuôi dưỡng với lý do là để cháu D có em cùng chơi, ngoài ra anh không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Phạm Văn T và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân.

Sau khi xét xử sơ thẩm, do không nhất trí với quyết định của án sơ thẩm nên ngày 26/12/2017, anh Phạm Văn T đã kháng cáo, nay anh Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Phạm Văn T thấy:

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống vợ chồng và đều đồng ý ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho anh T và chị H ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T và chị H có 03 con chung là cháu Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006, cháu Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 và cháu Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008. Cả anh T và chị H đều có công việc làm và thu nhập ổn định,

đều có điều kiện để nuôi dạy các con. Khi giải quyết cho anh T và chị H ly hôn; cả anh T và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cháu V; căn cứ vào điều kiện thực tế: Cháu V còn nhỏ, vừa mới qua 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của chị H; cháu D từ bé cháu đã ở cùng với bố mẹ và ông bà nội, anh T thường xuyên phải đi làm xa ... nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung của anh chị là cháu Phạm Nguyệt N và cháu Phạm Tiến V cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi của các cháu.

Anh T kháng cáo đề nghị tòa án giao cháu V cho anh nuôi dưỡng với lý do là để cháu D có em cùng chơi, ngoài ra anh không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Phạm Nguyệt N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Phạm Tiến V, sinh ngày 11/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung là cháu Phạm Thiện D, sinh ngày 12/10/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận giải quyết.

3- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận giải quyết.

4- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0002064 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn phúc thẩm tại Biên lai số AA/2014/0011894 ngày 03/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi Cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Cường